

ĐIỂM THI GIỮA HỌC KỲ II

STT	SBD	Họ tên	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GD&Đ			Ghi chú
				TN	TL	TC		TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
1	000001	Lê Hồng Ân	12A1	3.75	3.25	7	7.3	3.5	2.8	6.3	3	2.5	5.5	3.5	3	6.5	4	3	7										
2	000002	Bùi Quốc Anh	12A1	2.75	2.75	5.5	6.3	2.8	2.8	5.6	2.5	0.25	2.75	1.75	1.75	3.5	3.2	1.75	4.95										
3	000006	Võ Tuấn Anh	12A1	4.5	3.5	8	7.3	3.68	3	6.68	5.75	3.5	9.25	5.25	4	9.25	6	3.25	9.25										
4	000016	Nguyễn Ngọc Diệp	12A1	4	3.5	7.5	7.8	4.55	3	7.55	5.5	3.5	9	5.5	4	9.5	5.6	3	8.6										
5	000019	Trần Quốc Duy	12A1	3.5	3.5	7	7	4.2	3	7.2	6	2.75	8.75	4.5	3.75	8.25	5.2	2	7.2										
6	000021	Nguyễn Thị Hồng Đào	12A1	3	2	5	8	4.03	3	7.03	3	0.75	3.75	3.5	2.25	5.75	4.2	2.25	6.45										
7	000031	Phan Lê Ngọc Hải	12A1	4	2.5	6.5	6.5	3.5	2.8	6.3	3.75	2.5	6.25	3	2.25	5.25	4.4	3.25	7.65										
8	000039	Nguyễn Phúc Thảo Hiền	12A1	5	3.5	8.5	7.8	4.9	3	7.9	6	3.25	9.25	4.25	2.5	6.75	5.8	3.75	9.55										
9	000040	Bùi Thanh Hiệp	12A1	2.25	0.75	3	5.3	3.33	1.2	4.53	5.5	0.5	6	1.75	0.75	2.5	4.2	1.25	5.45										
10	000043	Cao Gia Hoàng	12A1	5.25	3.25	8.5	6.8	4.38	2.6	6.98	5.5	3.75	9.25	5	4	9	5.2	3.25	8.45										
11	000048	Trần Nhật Huy	12A1	4	2.75	6.75	6.5	4.2	3	7.2	4.5	1	5.5	3.75	2.25	6	4.6	2.5	7.1										
12	000054	Nguyễn Hồ Quốc Khánh	12A1	3.5	2.75	6.25	5	4.2	2.8	7	5	1.75	6.75	4	1.75	5.75	5.4	3	8.4										
13	000055	Phạm Thái Khôi	12A1	3.25	2.25	5.5	6.5	4.73	2.8	7.53	4.5	2.5	7	3.5	2	5.5	4.8	2	6.8										
14	000058	Cao Tuấn Kiệt	12A1	4.25	2.5	6.75	7.3	4.03	2.4	6.43	4	3.75	7.75	4.25	2.5	6.75	4.2	3.25	7.45										
15	000059	Phan Anh Kiệt	12A1	5	3.5	8.5	6.8	3.15	3	6.15	4	3.5	7.5	5	3	8	5.2	3	8.2										
16	000072	Nguyễn Quỳnh Thảo My	12A1	3.5	2.75	6.25	7.8	4.2	3	7.2	3.25	3.25	6.5	4	2.25	6.25	4.2	2.5	6.7										
17	000076	Nguyễn Trung Hiếu Nam	12A1	4	2	6	6.8	4.2	2.6	6.8	4	1	5	3.5	2	5.5	4	2.5	6.5										
18	000077	Võ Hoàng Nam	12A1	4.5	3	7.5	4.8	3.5	3	6.5	3.25	1.5	4.75	3.75	2	5.75	5.2	3	8.2										
19	000079	Nguyễn Thanh Thanh Ngân	12A1	4	3.25	7.25	7.8	4.38	1.8	6.18	5	3.5	8.5	2.75	2	4.75	4.8	3.25	8.05										
20	000085	Trần Nguyễn Bảo Nghi	12A1	4.5	2.5	7	7.3	4.38	3	7.38	6	2	8	4.5	2.75	7.25	5	3.75	8.75										
21	000088	Tiểu Hồng Bảo Ngọc	12A1	4.25	3	7.25	4	4.38	2.6	6.98	3.5	2.5	6	1.5	0.5	2	2.8	2.5	5.3										
22	000089	Trần Thị Bích Ngọc	12A1	4.25	3	7.25	7.8	3.33	3	6.33	5.25	2.5	7.75	5	2.75	7.75	5.6	3	8.6										
23	000091	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	12A1	3.25	2.75	6	8	4.2	1.6	5.8	5.5	2	7.5	4	1.5	5.5	4.6	2.25	6.85										
24	000095	Nguyễn Trọng Nhân	12A1	5.5	2.5	8	7.3	3.68	2.6	6.28	4.75	3.5	8.25	4.75	4	8.75	5.6	3.5	9.1										
25	000098	Phan Ý Nhi	12A1	4	3.5	7.5	7	4.4	2.2	6.6	4.75	2.75	7.5	4	2.75	6.75	4.6	2.75	7.35										
26	000099	Trần Thị Yến Nhi	12A1	4.25	2.25	6.5	7.5	4.2	2.8	7	5.25	2	7.25	4.25	2.75	7	4.4	2.5	6.9										
27	000100	Nguyễn Thành Nhơn	12A1	4.75	3.5	8.25	7	4.2	3	7.2	6	3	9	4.75	4	8.75	5.6	3.25	8.85										
28	000107	Huỳnh Thanh Phúc	12A1	3.75	3.25	7	7.3	4.38	2.8	7.18	5.25	4	9.25	5.25	3.75	9	5.4	3.75	9.15										
29	000108	Lâm Hoàng Phúc	12A1	3	2	5	6.3	4.55	3	7.55	4.75	1.5	6.25	2.75	1	3.75	4.2	2.75	6.95										
30	000113	Nguyễn Quang Quân	12A1	3	2	5	7	3.68	1.8	5.48	2.5	0	2.5	2.5	0.75	3.25	4.6	1.75	6.35										
31	000114	Từ Nguyễn Anh Thúy Quy	12A1	3.5	1.75	5.25	6.5	3.68	2.6	6.28	4	2.25	6.25	2.25	3.25	5.5	4.6	2.25	6.85										
32	000122	Lê Nguyễn Thành Tài	12A1	4	3	7	6.8	4.03	2.8	6.83	5.25	3.75	9	3.75	2.75	6.5	4.6	3.25	7.85										
33	000125	Lê Ngọc Thạch	12A1	3.75	3	6.75	6.8	4.9	2.8	7.7	5.5	2.75	8.25	3.75	2	5.75	5.8	3.25	9.05										
34	000134	Trần Thị Minh Thư	12A1	5	3.5	8.5	7.5	4.4	2.4	6.8	5.5	3.25	8.75	4.25	2.75	7	5.6	4	9.6										
35	000138	Đinh Thị Anh Thư	12A1	5.25	3.75	9	8.3	4.9	3	7.9	6	4	10	5.25	4	9.25	5.6	3.75	9.35										
36	000140	Phạm Đỗ Anh Thy	12A1	4.5	3.25	7.75	7.5	5.08	2.6	7.68	4.5	2	6.5	3.25	3.5	6.75	5	2.75	7.75										
37	000143	Võ Thị Thủy Tiên	12A1	5	3	8	7.5	4.6	3	7.6	4.75	2.5	7.25	4.25	2.25	6.5	4.6	3.5	8.1										
38	000150	Ngô Thị Thu Trang	12A1	4	3	7	7.3	4.2	2.8	7	5.5	2.25	7.75	5	3	8	5.4	4	9.4										
39	000151	Nguy Ngọc Bảo Trâm	12A1	4.25	2.25	6.5	7.5	5.08	3	8.08	5	2.5	7.5	4	4	8	6	4	10										
40	000152	Nguyễn Thị Bích Trâm	12A1	3.5	2.75	6.25	5.5	4.73	2.8	7.53	4	1.75	5.75	4.75	1.5	6.25	4.2	2.5	6.7										

STT	SBD	Họ tên	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
				TN	TL	TC		TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
41	000158	Trần Xuân Trường	12A1	5	3.5	8.5	7.8	4.38	3	7.38	6	4	10	5.25	4	9.25	5.8	3.75	9.55										
42	000160	Phan Quốc Tú	12A1	5	3	8	7	4.38	3	7.38	5	2.5	7.5	4.75	3.75	8.5	5	3.75	8.75										
43	000166	Đỗ Hoàng Duy Uyên	12A1	4	2.5	6.5	8.5	4.03	2.8	6.83	3.75	2.25	6	3.5	2.25	5.75	4.4	2	6.4										
44	000167	Đào Nguyễn Phương Uyên	12A1	4	2.25	6.25	7.8	3.33	2.4	5.73	5	2.5	7.5	3.25	2	5.25	5	3	8										
45	000170	Nguyễn Quang Vinh	12A1	4.5	2.25	6.75	7	3.68	2.6	6.28	5	2.5	7.5	3	2.5	5.5	4.2	2.5	6.7										
46	000173	Lê Nguyễn Tường Vy	12A1	5	3.25	8.25	8.3	4.38	3	7.38	5.5	3.75	9.25	5.5	4	9.5	5.8	3.75	9.55										
47	000007	Võ Nguyễn Trâm Anh	12A2	4.75	2.75	7.5	8	4.03	2.6	6.63	5.75	3.5	9.25	4.5	4	8.5	5.2	2.25	7.45										
48	000010	Nguyễn Thị Chúc	12A2	2.75	1.5	4.25	6.5	3.85	2.8	6.65	5	2.5	7.5	2.75	2.75	5.5	5.2	2.25	7.45										
49	000011	Phạm Hoàng Chương	12A2	3.25	2.5	5.75	6	4.55	3	7.55	2.25	0	2.25	3	3.25	6.25	3.4	2.25	5.65										
50	000013	Hứa Trí Cường	12A2	3	0.5	3.5	5.8	3.68	2.6	6.28	5.5	0.75	6.25	0.5	0.25	0.75	5.2	2.25	7.45										
51	000023	Lê Thị Hồng Đào	12A2	4.25	2.75	7	7.5	3.85	2.8	6.65	5.5	1.5	7	3.25	4	7.25	5.6	3.5	9.1										
52	000024	Trần Tấn Đạt	12A2	3.75	2.5	6.25	6	3.5	3	6.5	5.75	2.75	8.5	2.75	3.75	6.5	5.2	3	8.2										
53	000026	Lê Huỳnh Đức	12A2	3.75	1.75	5.5	5.3	3.85	2.4	6.25	3.5	2.75	6.25	2	2.75	4.75	4	2.5	6.5										
54	000030	Nguyễn Thanh Thiên Hải	12A2	4.75	1.5	6.25	5.8	4.03	2.8	6.83	4.5	2.25	6.75	2	3.5	5.5	5	3.25	8.25										
55	000037	Nguyễn Huỳnh Bảo Hân	12A2	4.25	3	7.25	6.8	3.85	2.6	6.45	5.5	2.25	7.75	3.75	3.75	7.5	4.6	3.25	7.85										
56	000041	Huỳnh Ngọc Hiền	12A2	4.25	2.5	6.75	6.8	3.33	2.4	5.73	4.5	0.25	4.75	3.25	3	6.25	4	2.25	6.25										
57	000042	Tạ Thị Hoa	12A2	3.5	2.5	6	7.3	3.85	2.4	6.25	3.75	3.25	7	3.5	1	4.5	4	2.5	6.5										
58	000045	Dương Thị Thu Hương	12A2	3.75	1.75	5.5	7	3.85	2.4	6.25	3.25	3	6.25	2	3	5	3.2	2.25	5.45										
59	000046	Nguyễn Minh Huy	12A2	5.5	3.75	9.25	8	4.2	3	7.2	5.5	3.75	9.25	5.75	4	9.75	5.8	3.5	9.3										
60	000051	Quách Diễm Hương	12A2	4	2.75	6.75	8.5	4.73	3	7.73	4.5	3.5	8	4.25	4	8.25	5.4	3.25	8.65										
61	000052	Nguyễn Hoàng Khánh	12A2	5.25	3	8.25	6.8	3.68	2.2	5.88	4.25	2.25	6.5	4	3.25	7.25	5.6	3.5	9.1										
62	000065	Nguyễn Ngọc Thanh Loan	12A2	4	1	5	7.5	3.5	2	5.5	3.5	1.75	5.25	3.75	3	6.75	4.2	2.75	6.95										
63	000069	Lê Hoàng Minh	12A2	5	3	8	7.3	3.68	1.8	5.48	3.25	2.75	6	4	2.25	6.25	5.8	3	8.8										
64	000071	Nguyễn Ngọc Khánh Minh	12A2	3.75	2.75	6.5	8.3	4.55	3	7.55	6	3.25	9.25	4.5	3.25	7.75	5.6	3	8.6										
65	000074	Phạm Thị Ngọc My	12A2	3	2.5	5.5	7.8	4.2	2.2	6.4	3.5	0.75	4.25	3.5	2	5.5	4	2.5	6.5										
66	000075	Lê Phương Nam	12A2	4	2.25	6.25	7.5	4.73	2.8	7.53	2.5	2.5	5	4	2.75	6.75	5	3.25	8.25										
67	000078	Đoàn Bảo Ngân	12A2	4.75	3.5	8.25	7.3	4.73	3	7.73	5.75	3.75	9.5	4.75	4	8.75	6	4	10										
68	000081	Võ Thị Ngọc Ngân	12A2	3.75	2.25	6	7.5	4.03	2.6	6.63	4	2.75	6.75	3.25	2	5.25	5.4	3.25	8.65										
69	000087	Phạm Thị Hồng Ngọc	12A2	3.75	2.5	6.25	6.8	3.85	2	5.85	4	1.25	5.25	3.25	2.25	5.5	4.6	3.25	7.85										
70	000090	Nguyễn Lê Bích Ngọc	12A2	5	3.75	8.75	7.5	4.03	2.6	6.63	4.75	2	6.75	4	3.25	7.25	5	3.25	8.25										
71	000093	Đỗ Lê Tiền Nhân	12A2	4	2.5	6.5	6.5	3.33	2.2	5.53	3.5	2.75	6.25	3.5	1.5	5	5	3.25	8.25										
72	000101	Lâm Tâm Như	12A2	4.5	3	7.5	5.5	3.5	2.6	6.1	3.5	1.5	5	3.25	3.75	7	4.4	2.25	6.65										
73	000102	Vương Quốc Ninh	12A2	4.25	3	7.25	6.8	4.55	2.2	6.75	4.75	2	6.75	4	3	7	5.2	2.25	7.45										
74	000104	Đặng Minh Phát	12A2	5.5	3.5	9	7.5	4.73	3	7.73	4	2.5	6.5	3.5	3.5	7	5.2	3.25	8.45										
75	000105	Nguyễn Thành Phát	12A2	3.5	2.25	5.75	6	3.5	2.6	6.1	3.25	1.5	4.75	2.75	3	5.75	4.8	2.5	7.3										
76	000106	Huỳnh Tiến Phong	12A2	5	2.75	7.75	6.5	5.08	3	8.08	3.5	2.25	5.75	3.5	3	6.5	4.4	3.25	7.65										
77	000109	Đỗ Hoàng Phúc	12A2	3.75	1.25	5	5.3	3.68	2.4	6.08	5	3.25	8.25	3.25	3	6.25	4.4	2.75	7.15										
78	000116	Đinh Thị Diễm Quỳnh	12A2	3.5	2	5.5	8	3.85	2.2	6.05	4.5	2.25	6.75	2.75	2.75	5.5	4	3.25	7.25										
79	000120	Trần Nguyễn Thế Sự	12A2	3.75	2.25	6	7.3	5.08	2.8	7.88	5.25	1.5	6.75	2	4	6	5.2	2.75	7.95										
80	000123	Nguyễn Tấn Tài	12A2	3.5	3	6.5	5.3	4.55	3	7.55	2.25	1	3.25	2.25	2.75	5	2.6	2.75	5.35										
81	000124	Phạm Thị Thanh Tâm	12A2	2.25	2	4.25	3.8	2.8	2.6	5.4	1.5	0	1.5	2	1.5	3.5	2.6	1.25	3.85										
82	000126	Phan Quang Thái	12A2	4.5	3	7.5	7.5	3.68	2.2	5.88	3.5	1.25	4.75	4.25	3.75	8	3.6	2.25	5.85										
83	000127	Trần Quốc Thái	12A2	5.75	3.5	9.25	8	4.03	2.6	6.63	6	4	10	5	4	9	5.2	3.25	8.45										

STT	SBD	Họ tên	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
				TN	TL	TC		TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
84	000132	Hoàng Anh Thư	12A2	4.75	2.5	7.25	5.5	4.2	3	7.2	5.25	2.75	8	4.5	3.5	8	5.6	3.75	9.35										
85	000137	Trần Thanh Thương	12A2	5.5	3.5	9	7.3	4.03	3	7.03	5.75	4	9.75	4.75	3.25	8	6	3.5	9.5										
86	000142	Phan Thanh Tiến	12A2	5	2.5	7.5	6.8	3.68	2.4	6.08	2.5	2.75	5.25	3.75	3	6.75	5.4	3	8.4										
87	000145	Hoàng Thị Cẩm Tiên	12A2	3.75	2.75	6.5	7	4.03	2.6	6.63	3.75	2.25	6	2.75	3.25	6	4	1.75	5.75										
88	000157	Nguyễn Huy Trường	12A2	3.5	2.75	6.25	7	3.15	2.6	5.75	3.5	1	4.5	2.75	3	5.75	5.2	2.75	7.95										
89	000161	Huỳnh Mạnh Tuấn	12A2	5.25	3	8.25	6.5	3.85	3	6.85	4.25	3.25	7.5	4.25	4	8.25	5.4	3.5	8.9										
90	000171	Lã Nguyễn Tuấn Vũ	12A2	3	2.5	5.5	6	3.85	3	6.85	4.25	2.25	6.5	3.5	3.75	7.25	5	2.75	7.75										
91	000174	Lương Thị Hà Vy	12A2	4	2.75	6.75	7.8	4.38	3	7.38	4	3.25	7.25	4.25	3.75	8	4.4	2.5	6.9										
92	000179	Trần Phạm Thúy Vy	12A2	4.5	3.25	7.75	7	4.2	2.6	6.8	2.75	1.75	4.5	4.25	3.25	7.5	4.4	3.25	7.65										
93	000004	Nguyễn Tuấn Anh	12A3	4.5	2.5	7	4.5	3.68	2.6	6.28	4.75	3.5	8.25	3.75	1	4.75	5	2.25	7.25										
94	000008	Hoàng Gia Bảo	12A3	4	2	6	6.5	3.85	2.4	6.25	5	2.5	7.5	3.5	2.75	6.25	4.8	3	7.8										
95	000009	Trần Ngọc Minh Châu	12A3	4.5	2.5	7	6.3	4.55	3	7.55	5.5	4	9.5	3.5	3.5	7	5.4	3.5	8.9										
96	000017	Nguyễn Thanh Duy	12A3	4.75	3	7.75	6.8	3.5	3	6.5	5.5	4	9.5	3.25	3.75	7	5.6	3.25	8.85										
97	000018	Phạm Khánh Duy	12A3	3.5	2.5	6	7.3	4.38	3	7.38	5.25	3.25	8.5	2.5	1.5	4	5.6	3	8.6										
98	000022	Phạm Hồng Đào	12A3	3.25	2.25	5.5	7.3	3.85	3	6.85	5.75	3.5	9.25	3	1.5	4.5	5.2	3.5	8.7										
99	000025	Trần Tấn Đạt	12A3	4.75	2.5	7.25	6.5	3.5	3	6.5	4.25	4	8.25	3.5	2.75	6.25	5.4	3.5	8.9										
100	000027	Nguyễn Trí Đức	12A3	4.75	2	6.75	4.5	4.03	3	7.03	4	4	8	3.5	3.5	7	5.2	3.75	8.95										
101	000028	Nguyễn Xuân Đức	12A3	5.75	3.25	9	7.3	4.73	3	7.73	5.5	4	9.5	5	4	9	5.8	3.25	9.05										
102	000029	Nguyễn Hữu Trường Giang	12A3	4.5	2.75	7.25	7.3	5.8	2.4	8.2	5.5	3.75	9.25	3.75	1.5	5.25	5.8	4	9.8										
103	000032	Võ Công Hậu	12A3	4	3	7	6	4.03	3	7.03	5.25	3.75	9	1.5	2.25	3.75	4.8	2.75	7.55										
104	000034	Cao Ngọc Gia Hân	12A3	3	2	5	6.3	4.2	2.4	6.6	5	4	9	1.75	2	3.75	5.6	2.5	8.1										
105	000038	Nguyễn Trung Hậu	12A3	3.75	2.75	6.5	4.5	3.85	2.4	6.25	4.75	3.75	8.5	2.25	1	3.25	5.2	3	8.2										
106	000047	Tôn Thất Hoàng Huy	12A3	2.25	1	3.25	3.8	3.85	1.8	5.65	4	1.75	5.75	3.25	1.25	4.5	3.8	1.75	5.55										
107	000056	Nguyễn Trung Kiên	12A3	4.5	1.25	5.75	6.8	4.2	3	7.2	4.25	3	7.25	4.25	2	6.25	5.8	3.75	9.55										
108	000061	Huỳnh Cẩm Linh	12A3	4.5	3.25	7.75	7.8	4.38	3	7.38	5	3.25	8.25	4	4	8	5.6	3.75	9.35										
109	000064	Phạm Thủy Linh	12A3	4	2	6	6.5	3.33	2	5.33	3.25	3.25	6.5	2.75	0.75	3.5	4.6	2.75	7.35										
110	000067	Phạm Hiệp Mạnh	12A3	4.25	2.5	6.75	6.3	3.33	2.8	6.13	3.75	3.25	7	3	3.5	6.5	5.6	3.5	9.1										
111	000068	Đoàn Văn Minh	12A3	4.5	3.75	8.25	6	4.2	3	7.2	5.75	3.75	9.5	4.75	3.25	8	4.8	3.75	8.55										
112	000070	Nguyễn Hồng Minh	12A3	3.25	2.5	5.75	7	4.9	3	7.9	4.75	3.75	8.5	4.5	1.25	5.75	5.8	3.25	9.05										
113	000080	Phạm Nguyễn Kim Ngân	12A3	3.75	2.25	6	5.5	3.33	2.6	5.93	4.75	3	7.75	3.5	2.25	5.75	4.8	3.5	8.3										
114	000084	Trần Gia Nghi	12A3	4.75	3.5	8.25	8	5.43	3	8.43	6	4	10	5	4	9	5.8	3.75	9.55										
115	000092	Lê Nguyễn Hoàng Nguyên	12A3	4	2	6	5	3.68	2.4	6.08	4.5	4	8.5	2	1.5	3.5	3.8	3.25	7.05										
116	000097	Nguyễn Uyên Nhi	12A3	4	3.5	7.5	7	4.55	3	7.55	6	4	10	5.75	4	9.75	6	3.75	9.75										
117	000103	Hà Ngọc Hoàng Oanh	12A3	4.75	2.75	7.5	7.5	3.33	2.6	5.93	5.75	3.5	9.25	2	3	5	4.8	3	7.8										
118	000111	Nguyễn Trọng Phúc	12A3	4.25	3	7.25	5	4.55	3	7.55	5.25	3.75	9	3	4	7	5.2	4	9.2										
119	000115	Nguyễn Minh Quý	12A3	3.75	1.5	5.25	7.8	3.5	2.8	6.3	5	3.5	8.5	4.5	4	8.5	6	3.5	9.5										
120	000119	Vũ Cao Sang	12A3	4	2.25	6.25	6.8	3.85	2	5.85	5.25	3.5	8.75	4	1	5	5.6	3.25	8.85										
121	000121	Trần Nguyễn Tấn Tài	12A3	5	3.5	8.5	6.8	3.85	3	6.85	5.25	3.25	8.5	3.5	3.75	7.25	5.4	3.5	8.9										
122	000128	Nguyễn Tấn Thành	12A3	2.25	1.25	3.5	4.3	3.33	2.8	6.13	2.25	1.5	3.75	2.5	1.25	3.75	4.2	3	7.2										
123	000129	Trần Thanh Thảo	12A3	3.75	2.25	6	6.8	4.2	3	7.2	4.5	3.25	7.75	3.75	2.5	6.25	5.2	3	8.2										
124	000130	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	12A3	3.75	3.5	7.25	7.3	4.73	3	7.73	5.25	3.75	9	4.5	2.75	7.25	5.8	3.25	9.05										
125	000141	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	12A3	4.25	3	7.25	4	4	3	7	5.5	3.25	8.75	3.75	2.5	6.25	5.4	4	9.4										
126	000146	Trần Mai Yến Tiên	12A3	5.5	3.75	9.25	6.5	4.2	3	7.2	6	4	10	5.25	4	9.25	6	4	10										

STT	SBD	Họ tên	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú	
				TN	TL	TC		TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC		
127	000147	Nguyễn Minh Tiến	12A3	4.25	3.5	7.75	6	3.85	2.6	6.45	4.75	3	7.75	3.25	2.75	6	5	3.5	8.5		TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
128	000148	Trần Văn Tiến	12A3	4.75	3	7.75	4	4.55	2.2	6.75	4.5	2.5	7	3.5	1.5	5	5	3.5	8.5											
129	000149	Trần Thanh Tinh	12A3	3.5	3	6.5	6.8	3.15	1.8	4.95	4.75	2.5	7.25	3.5	1.5	5	5.2	3.75	8.95											
130	000153	Trần Thị Ngọc Trâm	12A3	4.75	3	7.75	6.8	4.73	3	7.73	6	4	10	4.5	3	7.5	6	4	10											
131	000154	Nguyễn Quỳnh Trân	12A3	5.25	3.75	9	6.5	4.38	3	7.38	5.25	3.75	9	5.75	3.25	9	5	3	8											
132	000156	Phạm Nguyễn Thanh Trúc	12A3	3	3	6	5.8	2.98	2.6	5.58	3.5	3.25	6.75	2	2.25	4.25	5.2	2.5	7.7											
133	000163	Mai Nguyễn Thanh Tùng	12A3	3.25	2.5	5.75	6	4.03	2.4	6.43	3	2.75	5.75	1.25	1	2.25	4.6	3.5	8.1											
134	000168	Phạm Thị Hồng Vân	12A3	4.75	3.25	8	7.5	4.55	3	7.55	5.75	4	9.75	4	3.25	7.25	5.4	3.75	9.15											
135	000176	Nguyễn Hoàng Nhã Vy	12A3	3.75	3.5	7.25	5.5	4.55	2.8	7.35	5.25	3.5	8.75	4	3	7	5.8	4	9.8											
136	000177	Nguyễn Trang Thảo Vy	12A3	4.25	3	7.25	6.5	4.55	3	7.55	5.5	3.75	9.25	3.75	4	7.75	5.6	3	8.6											
137	000180	Trần Ngọc Trà Vy	12A3	4.75	3.25	8	6.5	3.68	3	6.68	5.25	3.75	9	4.5	4	8.5	6	3	9											
138	000003	Cao Nhật Anh	12A4	5	3.5	8.5	6.5	3.5	2.6	6.1	5	3.5	8.5	4	3.75	7.75	4.8	3.25	8.05											
139	000005	Tô Thị Kim Anh	12A4	3.75	3.5	7.25	7	4.03	3	7.03	4.75	3.5	8.25	4	4	8	4.4	3.5	7.9											
140	000012	Đào Duy Cường	12A4	4	3.25	7.25	7.5	3.5	3	6.5	4.5	3.5	8	2.25	2.75	5	3.8	3.5	7.3											
141	000014	Nguyễn Chí Cường	12A4	4	2.5	6.5	5.3	3.33	2.8	6.13	4.25	3.25	7.5	3.75	2	5.75	5.2	2.25	7.45											
142	000015	Đỗ Thành Danh	12A4	4.25	2.75	7	5	2.98	3	5.98	4.25	2.75	7	3.25	3	6.25	4.6	2.5	7.1											
143	000020	Nguyễn Huỳnh Mỹ Duyên	12A4	5	3.25	8.25	7.5	4.03	3	7.03	5.75	4	9.75	4.75	3.25	8	5	3.5	8.5											
144	000033	Nguyễn Thị Thanh Hằng	12A4	5	3.25	8.25	7.3	4.38	2.8	7.18	5.25	3.75	9	3.5	4	7.5	5.4	2.75	8.15											
145	000035	Lê Thị Bích Hân	12A4	2.5	2	4.5	5.8	3.85	1.6	5.45	4.5	2.5	7	3	3	6	4.4	2.75	7.15											
146	000036	Ngô Gia Hân	12A4	3.25	2	5.25	4.5	3.68	2.8	6.48	3.25	2.75	6	2.5	3.25	5.75	3.6	2.25	5.85											
147	000044	Ngô Thanh Hưng	12A4	4.75	3.75	8.5	7.8	4.03	2.4	6.43	5.5	3.5	9	3.5	3.75	7.25	5.2	3.5	8.7											
148	000049	Vũ Gia Huy	12A4	4.25	3	7.25	6.3	3.85	2.6	6.45	4.5	3.5	8	3.75	3.25	7	5.2	2.75	7.95											
149	000050	Trần Thị Ngọc Huyền	12A4	5.5	3.5	9	7.5	4.9	2.4	7.3	5.25	4	9.25	3.75	3.5	7.25	4.8	3.25	8.05											
150	000053	Nguyễn Trọng Khanh	12A4	4.25	3.25	7.5	5.5	4.9	3	7.9	4.5	3	7.5	4.25	2.75	7	5.2	3.5	8.7											
151	000057	Võ Minh Kiên	12A4	5.25	3.5	8.75	7	4.2	2.6	6.8	5	4	9	5	3.75	8.75	5.2	3.25	8.45											
152	000060	Khổng Thị Lệ	12A4	4.25	2.75	7	7.5	4.9	3	7.9	5	3.5	8.5	2.75	2.5	5.25	4.8	3	7.8											
153	000062	Nguyễn Hà Linh	12A4	2.25	2.5	4.75	5	4.03	2.4	6.43	4.5	2.75	7.25	3.25	1	4.25	3.6	2	5.6											
154	000063	Nguyễn Thị Ngọc Linh	12A4	3.5	2.75	6.25	6.5	2.8	1.2	4	2.5	2	4.5	2.25	3	5.25	3.4	3.25	6.65											
155	000066	Trần Huỳnh Thành Lộc	12A4	3.75	3.5	7.25	5.8	4.73	3	7.73	5.25	3	8.25	3.5	2.75	6.25	4.2	3.25	7.45											
156	000073	Nguyễn Hà My	12A4	5.25	3.75	9	7.5	3.85	3	6.85	5.25	4	9.25	4.5	4	8.5	5.8	3.75	9.55											
157	000082	Dương Nguyễn Tuyết Nghi	12A4	4.25	2.75	7	6.8	5.4	2.8	8.2	5.25	3.75	9	3.25	2.75	6	4.4	3.75	8.15											
158	000083	Đặng Trúc Nghi	12A4	5	3	8	7.3	3.5	2.6	6.1	5.75	3.25	9	2.5	3.5	6	4	1.75	5.75											
159	000086	Huỳnh Bảo Ngọc	12A4	4.25	3.5	7.75	8	5.25	2.6	7.85	5.25	3.5	8.75	4.75	4	8.75	4	3	7											
160	000094	Nguyễn Thành Nhân	12A4	4.25	3	7.25	7.5	3.85	2	5.85	4	1.75	5.75	1.5	1.5	3	2.4	2.25	4.65											
161	000096	Phạm Minh Nhật	12A4	5	2.5	7.5	5.3	3.33	2.6	5.93	5.5	2.5	8	2.75	0.25	3	5.2	2.5	7.7											
162	000110	Lê Trọng Phúc	12A4	4.25	3.5	7.75	6.8	4.03	3	7.03	4.75	4	8.75	3.5	3.5	7	4.6	2.75	7.35											
163	000112	Ngô Phú Quang	12A4	4.5	3.25	7.75	7.5	3.33	2.6	5.93	5.75	2.25	8	3	2.5	5.5	4.6	3	7.6											
164	000117	Trần Nguyễn Như Quỳnh	12A4	4.25	3	7.25	5.5	4.2	2.6	6.8	4.75	2.5	7.25	4.75	3.75	8.5	5.8	3.5	9.3											
165	000118	Nguyễn Văn Sang	12A4	5	3.25	8.25	6	4.38	3	7.38	5.75	3.25	9	4.75	4	8.75	4.4	3	7.4											
166	000131	Đào Ngọc Thông	12A4	4.75	3.25	8	7.8	4.9	3	7.9	4.75	4	8.75	4.75	4	8.75	5.4	2.25	7.65											
167	000133	Phạm Anh Thư	12A4	4.75	3.25	8	7.5	3.68	3	6.68	4.75	3	7.75	3.25	4	7.25	5.6	3	8.6											
168	000135	Nguyễn Hiếu Thuận	12A4	4.5	3.5	8	7.8	4.2	2.8	7	5.5	3.5	9	3.25	4	7.25	5.4	3.5	8.9											
169	000136	Nguyễn Thị Ngọc Thương	12A4	3.75	3.5	7.25	6.8	3.68	3	6.68	4.5	2	6.5	3	2.5	5.5	5	3.5	8.5											

STT	SBD	Họ tên	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GD&CD			Ghi chú
				TN	TL	TC		TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
170	000139	Nguyễn Võ Minh Thư	12A4	3.25	3	6.25	7.8	3.33	2.4	5.73	4.25	2	6.25	3	2	5	3.8	3.25	7.05										
171	000144	Bùi Thủy Tiên	12A4	5	3.75	8.75	7.3	5.43	2.6	8.03	6	4	10	5.25	3.25	8.5	5.8	3.25	9.05										
172	000155	Nguyễn Tiến Triển	12A4	4	3.5	7.5	7	3.85	2.4	6.25	5.25	3.5	8.75	4.25	3.75	8	4.8	3.5	8.3										
173	000159	Mai Cẩm Tú	12A4	4.25	3.5	7.75	6.5	4.55	2.8	7.35	5	3.25	8.25	3.25	3.25	6.5	4.4	3	7.4										
174	000162	Phạm Anh Tuấn	12A4	4.75	3.5	8.25	6.5	4.38	2.8	7.18	4.25	2	6.25	4	4	8	3.2	2.75	5.95										
175	000164	Lý Minh Tuyền	12A4	4.5	3.75	8.25	5	4.2	2	6.2	4.5	1.75	6.25	3	2.25	5.25	3.8	3.25	7.05										
176	000165	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12A4	4.25	3.25	7.5	6.5	4.03	1.8	5.83	4	2.5	6.5	2.75	2.25	5	5	2.75	7.75										
177	000169	Đặng Hoàng Việt	12A4	4.25	2.75	7	6.8	4.73	2.8	7.53	6	3.25	9.25	4.5	3.5	8	4.6	3	7.6										
178	000172	Vũ Anh Vũ	12A4	4.5	3.25	7.75	4.8	4.03	2.6	6.63	4.5	4	8.5	2.5	3.75	6.25	5	2.5	7.5										
179	000175	Mai Phương Vy	12A4	4.25	3.75	8	4.5	4	2.8	6.8	5.25	3.25	8.5	3.25	1.75	5	3.4	2.75	6.15										
180	000178	Trần Ngọc Tường Vy	12A4	3.75	3.5	7.25	7	4.03	3	7.03	5	2	7	3.25	2.25	5.5	4.2	2.5	6.7										
181	000181	Triệu Vỹ	12A4	3.5	3.25	6.75	5.5	4.2	3	7.2	4.75	4	8.75	3.5	3.5	7	5	3.25	8.25										
182	000182	Vũ Hoàng Triệu Vỹ	12A4	4.75	3.5	8.25	8	4.55	3	7.55	5	4	9	2.75	4	6.75	4.2	3.25	7.45										
183	000185	Đinh Thị Ngọc Anh	12A5	4.25	3.5	7.75	7	4.03	3	7.03										6	4	10	3.5	2.75	6.25	4.5	2	6.5	
184	000188	Nguyễn Đoàn Văn Anh	12A5	3.75	2.25	6	6.5	2.98	1.8	4.78										5.14	3.5	8.64	2.25	3	5.25	1.5	3	4.5	
185	000196	Trương Thị Kim Chi	12A5	4	2.5	6.5	5.5	3.85	3	6.85										4.29	4	8.29	3.75	1.5	5.25	4.25	3	7.25	
186	000198	Trương Thị Hồng Cúc	12A5	3.75	2	5.75	6.8	3.68	2.6	6.28										5.14	3.75	8.89	4	2.5	6.5	4	3.75	7.75	
187	000200	Nguyễn Thanh Dũng	12A5	3.5	2.25	5.75	6	4.38	3	7.38										6	4	10	3.75	1.5	5.25	3.75	3.5	7.25	
188	000209	Phạm Gia Đạt	12A5	4	0.75	4.75	6.3	3.15	2.8	5.95										4.71	3.75	8.46	3.5	1.75	5.25	1.75	0.75	2.5	
189	000229	Trần Thái Hòa	12A5	3.25	0.75	4	5.3	2.8	2.2	5										3.43	3.75	7.18	2	1.75	3.75	2	2.75	4.75	
190	000232	Nguyễn Huy Hoàng	12A5	3.75	3.25	7	2.5	3.68	2.8	6.48										2.79	1	3.79	2.75	1.75	4.5	3.75	2.25	6	
191	000244	Nguyễn Hoàng Huy	12A5	3.75	2.75	6.5	5	3.68	2.2	5.88										5.36	4	9.36	3.25	3.25	6.5	4	3	7	
192	000245	Nguyễn Hoàng Mỹ Huyền	12A5	3.5	2	5.5	5.5	3.15	2.4	5.55										4.07	4	8.07	3.75	2.5	6.25	2.5	2.25	4.75	
193	000247	Nguyễn Gia Hưng	12A5	3.25	0.5	3.75	3.5	3.68	2.2	5.88										3.86	3	6.86	2.25	1.5	3.75	3.5	2.75	6.25	
194	000250	Trần Quốc Kiệt	12A5	2.75	2.25	5	4.3	3.68	2.6	6.28										4.93	3.75	8.68	2.75	1	3.75	3.75	1.75	5.5	
195	000257	Tiền Huệ Linh	12A5	4.25	3.75	8	7.3	4.2	3	7.2										4.5	4	8.5	2.75	1.75	4.5	2.25	3.25	5.5	
196	000259	Nguyễn Tấn Lộc	12A5	4	2.75	6.75	6.3	2.63	2.4	5.03										5.36	3.25	8.61	4	1.5	5.5	3	2.75	5.75	
197	000261	Lê Thanh Luận	12A5	3.25	2.5	5.75	4	3.85	3	6.85										2.57	3	5.57	2.5	1.5	4	3.25	2.75	6	
198	000272	Vũ Bắc Trung Nam	12A5	2.25	0.75	3	5	1.75	2.6	4.35										3.64	3.5	7.14	4.5	1.5	6	3.5	2.25	5.75	
199	000275	Phạm Lê Kim Ngân	12A5	3.25	2	5.25	5.5	3.5	3	6.5										6	4	10	4.25	2.75	7	4	3.75	7.75	
200	000277	Hồ Hoàng Ngọc Ngân	12A5	3.75	2.5	6.25	5.5	3.68	2.8	6.48										6	4	10	4.25	2.75	7	4	3.75	7.75	
201	000282	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	12A5	4.25	2.25	6.5	7	3.68	2.6	6.28										6	4	10	4	2	6	3.25	3.75	7	
202	000289	Nguyễn Quỳnh Phương Nhi	12A5	5.5	3.75	9.25	6.5	4.55	3	7.55										6	4	10	5	3.5	8.5	4.75	4	8.75	
203	000291	Võ Ngọc Nhi	12A5	3.25	0.5	3.75	7.3	4.03	1	5.03										2.36	4	6.36	2.25	1	3.25	2.25	0.75	3	
204	000293	Cao Tâm Như	12A5	4.25	2.75	7	7.5	4.38	2.6	6.98										6	4	10	4.5	3	7.5	4.25	4	8.25	
205	000301	Nguyễn Huỳnh Kiều Oanh	12A5	2.5	3	5.5	4.3	3.68	2.6	6.28										2.36	4	6.36	2.25	2	4.25	2.5	2.5	5	
206	000308	Nguyễn Giang Triệu Phong	12A5	3.75	3.25	7	7.5	4.2	3	7.2										5.14	4	9.14	3.25	2.25	5.5	4.25	3	7.25	
207	000309	Nguyễn Hoàng Ngọc Phong	12A5	2	1	3	4.8	3.5	2.6	6.1										2.79	2	4.79	3	1.5	4.5	3	1.5	4.5	
208	000313	Nguyễn Trúc Kiều Phương	12A5	2.5	2.5	5	5.3	4.2	2.6	6.8										5.36	3.5	8.86	3.25	1.5	4.75	2.25	2.5	4.75	
209	000316	Nguyễn Minh Quân	12A5	2.5	2.5	5	6.3	3.33	2.8	6.13										5.79	4	9.79	4	3	7	4	3.5	7.5	
210	000320	Đào Tấn Sang	12A5	4	3	7	6.3	4.55	2.6	7.15										6	4	10	5	2.25	7.25	3.25	3.5	6.75	
211	000324	Nguyễn Thành Tài	12A5	3.5	2	5.5	7.5	4.38	3	7.38										2.57	2.5	5.07	4.25	1	5.25	3.25	2	5.25	
212	000334	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	12A5	4	3	7	7.3	4.2	3	7.2										6	3.25	9.25	4.25	2	6.25	3.5	3.5	7	

STT	SBD	Họ tên	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GD&CD			Ghi chú
				TN	TL	TC		TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
213	000335	Phạm Trường Thành	12A5	2.5	1.5	4	6	3.5	2.6	6.1										4.5	3.75	8.25	2.75	1	3.75	3.5	1.5	5	
214	000339	Nguyễn Thị Hồng Thắm	12A5	3	1.5	4.5	6	3.33	2	5.33										3.43	4	7.43	3.5	2.25	5.75	2.25	1.25	3.5	
215	000341	Phạm Nguyễn Thành Thắng	12A5	3	2.75	5.75	7.8	4.2	2	6.2										3.43	3.75	7.18	3.75	3.75	7.5	3.75	1.25	5	
216	000342	Nguyễn Diệu Thi	12A5	3.25	1.75	5	7	3.5	2.8	6.3										5.79	4	9.79	3.25	1.75	5	4.75	2.5	7.25	
217	000345	Lương Thị Thanh Thư	12A5	3.75	1.75	5.5	6.5	2.63	2.6	5.23										2.57	0.5	3.07	3.5	2.25	5.75	2.25	1.25	3.5	
218	000346	Nguyễn Lạc Minh Thư	12A5	3.5	1.75	5.25	7.8	3.85	2.6	6.45										6	4	10	4.5	3.5	8	4.5	2.75	7.25	
219	000349	Trần Phạm Anh Thư	12A5	2.5	2.75	5.25	8	3.5	2.6	6.1										4.5	3.5	8	4.5	3.25	7.75	4.75	2.5	7.25	
220	000361	Trương Thị Mỹ Tiến	12A5	3.75	2.75	6.5	6.8	3.5	3	6.5										3.64	4	7.64	2.75	2.75	5.5	2.75	2.5	5.25	
221	000383	Bạch Quang Tùng	12A5	3.5	3	6.5	6.8	3.5	2.6	6.1										4.07	4	8.07	4	3	7	4.25	2.5	6.75	
222	000389	Đào Huy Vũ	12A5	3	3	6	6.3	4.38	3	7.38										5.14	3.75	8.89	4.25	1.25	5.5	2.5	3	5.5	
223	000392	Nguyễn Trường Vũ	12A5	4.25	2.75	7	6.3	4.55	2.6	7.15										5.57	4	9.57	4.25	2.25	6.5	3.5	3.5	7	
224	000396	Phan Nguyễn Huyền Vy	12A5	3.25	1	4.25	6.5	4.55	2.2	6.75										2.14	2.5	4.64	2	1.5	3.5	3	3	6	
225	000397	Trần Nguyễn Thúy Vy	12A5	4.25	3.5	7.75	8	4.38	2.8	7.18										5.36	4	9.36	3.75	2	5.75	4.25	3.5	7.75	
226	000400	Nguyễn Thị Kim Xuân	12A5	3	3	6	7.5	3.5	1.8	5.3										6	3.25	9.25	4.5	2	6.5	3	2	5	
227	000402	Trần Thị Như Ý	12A5	3.75	3.5	7.25	7.8	4.38	3	7.38										5.79	4	9.79	3.75	4	7.75	4.25	3	7.25	
228	000186	Lê Thị Vân Anh	12A6	3	1.75	4.75	5.3	4.03	1.8	5.83										3.43	2.5	5.93	4	2.75	6.75	3.5	0.75	4.25	
229	000189	Phạm Hoàng Duy Anh	12A6	5.25	3.5	8.75	2.8	4.38	3	7.38										3.21	4	7.21	2.75	2.5	5.25	3.25	3.75	7	
230	000190	Trần Ngọc Ánh	12A6	4.25	3.5	7.75	5.8	3.5	3	6.5										4.07	3.5	7.57	3.75	1.75	5.5	4.5	3.25	7.75	
231	000203	Trịnh Văn Dũng	12A6	3.75	3.25	7	7	2.98	2.8	5.78										2.36	3	5.36	2.5	3	5.5	3.75	3.5	7.25	
232	000205	Phạm Đức Duy	12A6	2.5	1.5	4	5.5	3.33	1	4.33										4.07	0.5	4.57	3.25	0.5	3.75	5.25	0.25	5.5	
233	000214	Trần Thanh Hải	12A6	3.5	2.75	6.25	8	4.38	2.4	6.78										5.36	4	9.36	5	1.5	6.5	4.75	2.75	7.5	
234	000216	Vũ Nguyễn Ngọc Hân	12A6	5.25	3.5	8.75	7.5	5.08	3	8.08										6	4	10	5.75	2.75	8.5	5.25	4	9.25	
235	000217	Huỳnh Nguyễn Thanh Hằng	12A6	4.5	3	7.5	7.5	3.5	3	6.5										2.36	3.5	5.86	4	2.5	6.5	4.25	2	6.25	
236	000221	Nguyễn Nhật Hào	12A6	3.5	2.25	5.75	7	3.5	2.4	5.9										3	3	6	3.25	2.25	5.5	4.5	1.5	6	
237	000222	Nguyễn Minh Hậu	12A6	3.5	3.25	6.75	7.3	4.55	3	7.55										3.64	4	7.64	3.5	2.5	6	4.75	3	7.75	
238	000228	Phạm Huy Thái Hòa	12A6	3.5	1	4.5	5.5	2.98	1.6	4.58										5.14	4	9.14	3.5	2	5.5	3.25	3.75	7	
239	000230	Phan Trọng Hoài	12A6	3.25	2	5.25	5.8	2.98	1.2	4.18										4.29	1.25	5.54	4.75	1.75	6.5	4	3.75	7.75	
240	000234	Phạm Đức Huân	12A6	3.5	1.75	5.25	6	2.8	3	5.8										3.21	2.75	5.96	3.75	2.5	6.25	4.5	3	7.5	
241	000239	Phạm Dương Thu Hương	12A6	3.75	2.25	6	5	2.45	3	5.45										5.57	2	7.57	2.5	3	5.5	4.25	2.5	6.75	
242	000240	Vũ Thị Quỳnh Hương	12A6	5	3.5	8.5	7.3	5.08	3	8.08										6	4	10	3	3	6	4	3.5	7.5	
243	000252	Lê Nhựt Lâm	12A6	3.75	2	5.75	5.8	2.98	1.6	4.58										3.64	3	6.64	3	1.5	4.5	1	1.25	2.25	
244	000254	Bùi Thị Ngọc Linh	12A6	4	2.5	6.5	6.8	4.55	2.8	7.35										2.79	4	6.79	4	2.75	6.75	4.25	3.5	7.75	
245	000258	Nguyễn Thị Tuyết Loan	12A6	4.5	3.25	7.75	7	3.15	2.4	5.55										4.93	4	8.93	4.5	2.5	7	4.25	3	7.25	
246	000260	Nguyễn Trường Bảo Long	12A6	3.75	3	6.75	6.3	4.2	2.8	7										3.64	2.25	5.89	3	2.75	5.75	3	2.5	5.5	
247	000279	Phạm Kim Ngân	12A6	4.5	3.5	8	7.8	4.9	3	7.9										6	4	10	5	2.75	7.75	5	4	9	
248	000286	Bùi Phan Yến Nhi	12A6	4.5	4	8.5	7.5	5.6	3	8.6										3	3	6	4.75	2	6.75	4.75	3	7.75	
249	000287	Hồ Thành Nhi	12A6	3.5	3	6.5	6.8	3.85	2.6	6.45										3.86	4	7.86	3.75	2	5.75	4.25	3.75	8	
250	000298	Bùi Thị Thanh Như	12A6	4	4	8	7.8	3.85	2.2	6.05										4.5	2	6.5	4	1.25	5.25	4	4	8	
251	000305	Phạm Tấn Phát	12A6	3.75	3.25	7	6.3	3.5	2.8	6.3										4.07	3.75	7.82	3.75	1.25	5	3.5	3.5	7	
252	000310	Nguyễn Hồng Gia Phúc	12A6	3.25	1.25	4.5	4.5	3.68	2.8	6.48										2.57	1	3.57	3.5	2.5	6	4	2.5	6.5	
253	000314	Chung Ngọc Uyên Phương	12A6	4.25	3.25	7.5	7	3.68	2.6	6.28										6	4	10	3.5	2	5.5	5.25	3	8.25	
254	000319	Ngô Thị Kim Quyên	12A6	3.75	2.75	6.5	7.3	3.68	2.4	6.08										3.43	1.75	5.18	4	1.75	5.75	4.25	3	7.25	
255	000321	Quảng Minh Sang	12A6	2.75	2	4.75	5.8	2.1	2	4.1										4.29	0	4.29	4.25	1.5	5.75	3.25	2	5.25	

STT	SBD	Họ tên	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GD&CD			Ghi chú
				TN	TL	TC		TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
256	000328	Trần Quốc Thái	12A6	3	3	6	6.3	4.55	2.8	7.35										3.43	2	5.43	3.25	2	5.25	4.5	2.75	7.25	
257	000331	Phạm Quang Thắng	12A6	3.5	2.25	5.75	7.5	2.98	2.2	5.18										6	4	10	3.75	2.5	6.25	5.25	4	9.25	
258	000332	Huỳnh Ngọc Thanh	12A6	3.5	2.75	6.25	5.3	4.9	3	7.9										5.57	3.75	9.32	3.25	1.5	4.75	4.75	4	8.75	
259	000348	Phú Ngọc Anh Thư	12A6	3.25	2.5	5.75	5.5	2.98	1.6	4.58										4.29	3	7.29	3	1.75	4.75	4	2.25	6.25	
260	000350	Võ Nguyễn Minh Thư	12A6	3.5	3.5	7	5.5	3.85	1.8	5.65										3.43	2	5.43	2.5	3	5.5	4.5	2.25	6.75	
261	000356	Nguyễn Thị Thu Thủy	12A6	4.75	3.25	8	6.5	4.55	3	7.55										4.71	4	8.71	4.25	2.25	6.5	4.25	3.5	7.75	
262	000359	Nguyễn Minh Thy	12A6	5.5	3.5	9	7.5	4.2	3	7.2										4.71	3.75	8.46	4	2	6	4.75	4	8.75	
263	000360	Nguyễn Lê Nhật Tiên	12A6	4.25	3.5	7.75	6.5	3.7	2.4	6.1										5.25	3.75	9	4.5	3	7.5	4.75	3.5	8.25	
264	000365	Huỳnh Lữ Bình Trang	12A6	4.25	3.5	7.75	7.3	3.15	1.6	4.75										5.14	2	7.14	4.75	2	6.75	4.5	3.5	8	
265	000370	Đặng Ngọc Minh Trâm	12A6	3.5	2.75	6.25	6.5	3.5	2.4	5.9										3.21	3	6.21	2.75	2.25	5	3.75	3	6.75	
266	000374	Phạm Hoàng Minh Trí	12A6	4.5	3	7.5	8	3.85	2	5.85										2.36	3	5.36	2.75	2.5	5.25	3.5	2.25	5.75	
267	000377	Nguyễn Đức Trọng	12A6	3.5	2.75	6.25	7	4.38	2.8	7.18										3.64	3.75	7.39	3.25	1.5	4.75	3.75	2.75	6.5	
268	000385	Đoàn Thụy Minh Uyên	12A6	3.75	2.25	6	6.5	1.93	1.2	3.13										2.36	4	6.36	3.5	1	4.5	4.5	2.5	7	
269	000386	Lương Thị Thanh Vân	12A6	4.25	3.5	7.75	6	4.9	3	7.9										4.07	3	7.07	4	2.5	6.5	4.5	2.5	7	
270	000398	Trần Thị Thanh Vy	12A6	4	2.75	6.75	8	3.5	2.6	6.1										4.93	4	8.93	3.5	2.25	5.75	3.75	3	6.75	
271	000403	Võ Ngọc Như Ý	12A6	4.75	3.5	8.25	7.3	3.5	2.8	6.3										4.07	4	8.07	4.25	2.75	7	4	2.5	6.5	
272	000187	Nguyễn Hoàng Anh	12A7	4.25	0	4.25	5.8	1.75	2.2	3.95										6	2	8	3.25	1.75	5	4.25	2	6.25	
273	000192	Trịnh Thị Băng Băng	12A7	3.25	2.5	5.75	7.8	3.5	2.4	5.9										4.29	4	8.29	2.25	2.75	5	3.75	3.75	7.5	
274	000193	Võ Hoàng Tú Bảo	12A7	3	2.25	5.25	6	2.98	1.8	4.78										3.86	3.5	7.36	3.25	1.5	4.75	4.5	1.75	6.25	
275	000194	Nguyễn Như Bình	12A7	3.25	2.5	5.75	7.3	4.03	2.4	6.43										5.79	4	9.79	2.5	2	4.5	4.75	3.5	8.25	
276	000201	Nguyễn Thị Tuyết Dung	12A7	4	2.25	6.25	7.5	3.15	1.8	4.95										5.57	4	9.57	3.5	2.5	6	4	3	7	
277	000204	Nguyễn Thùy Dương	12A7	1.5	2.25	3.75	7.8	2.98	2.4	5.38										5.57	3.5	9.07	2.75	2.25	5	3	2.5	5.5	
278	000208	Phạm Nguyễn Đức Đạt	12A7	3.5	1	4.5	7	4.03	2.8	6.83										5.57	4	9.57	4.5	3.75	8.25	4.5	2.5	7	
279	000211	Hà Hương Giang	12A7	4.25	2.5	6.75	7.8	4.38	2.6	6.98										5.79	4	9.79	3.75	3	6.75	5	2.25	7.25	
280	000213	Ngô Trung Hải	12A7	3.5	2.25	5.75	6.5	4.38	2.6	6.98										5.36	4	9.36	3.25	2.75	6	5	2.5	7.5	
281	000218	Nguyễn Trần Hiếu Hạnh	12A7	3.25	2.25	5.5	7.3	4.55	3	7.55										6	4	10	3.5	2.75	6.25	5	4	9	
282	000220	Lâm Chí Hào	12A7	2	1.75	3.75	6.3	2.98	1	3.98										2.14	3	5.14	1.5	1.25	2.75	3.75	2	5.75	
283	000223	Nguyễn Thanh Hiền	12A7	2.5	1.75	4.25	6	2.1	3	5.1										4.5	4	8.5	4.25	0.5	4.75	3.75	2.25	6	
284	000224	Nguyễn Thị Thu Hiền	12A7	4.5	2.25	6.75	7	4.03	3	7.03										6	4	10	2.5	1.5	4	4.75	3.75	8.5	
285	000241	Nguyễn Hoàng Bảo Huy	12A7	3.25	1.75	5	4.8	4.03	1.4	5.43										3.64	3.75	7.39	3	2	5	3.25	3	6.25	
286	000242	Nguyễn Nhất Huy	12A7	2	2.25	4.25	4.8	3.33	2.8	6.13										3.86	4	7.86	2.25	2.75	5	4.25	3.25	7.5	
287	000248	Tạ Duy Khang	12A7	3	2.5	5.5	6.5	2.98	2.4	5.38										3.64	3.75	7.39	2.75	2.5	5.25	3.5	2.5	6	
288	000249	Nguyễn An Khương	12A7	3.25	2.25	5.5	7.5	4.73	2.4	7.13										3.64	4	7.64	3.75	2.25	6	5	3.5	8.5	
289	000255	Hắc Quỳnh Chúc Linh	12A7	3.25	2.25	5.5	5.8	3.5	2	5.5										3	4	7	3	3.25	6.25	4	3.75	7.75	
290	000263	Nguyễn Thị Yến Mai	12A7	2.75	2	4.75	6.5	3.85	2.6	6.45										3.21	4	7.21	2.75	2.25	5	4	3.25	7.25	
291	000265	Nguyễn Thái Minh	12A7	3.75	1.25	5	6.3	2.1	0.8	2.9										3.21	4	7.21	2.5	2	4.5	2.5	1.75	4.25	
292	000267	Trần Bảo Minh	12A7	2.25	1.5	3.75	4.5	2.63	1.2	3.83										3	4	7	3.25	1	4.25	3	1.25	4.25	
293	000274	Nguyễn Hồng Ngân	12A7	3.5	2.5	6	6.8	3.68	2.8	6.48										3.21	4	7.21	2.75	1.5	4.25	3.75	2.75	6.5	
294	000281	Phan Nguyễn Thúy Ngọc	12A7	3.5	2.5	6	7	4.38	2.8	7.18										5.57	4	9.57	3.75	1.75	5.5	4.75	2.5	7.25	
295	000284	Nguyễn Thành Nhân	12A7	3.5	0.25	3.75	6.8	2.98	0.8	3.78										1.5	3.75	5.25	2.5	1.5	4	3.5	2.75	6.25	
296	000295	Giang Thị Cẩm Nhung	12A7	3	1.75	4.75	7.3	3.33	2.6	5.93										5.14	4	9.14	3.25	1.5	4.75	5	4	9	
297	000297	Phạm Minh Nhựt	12A7	3	1.75	4.75	5.8	2.8	2.6	5.4										4.29	3.75	8.04	3.5	2.25	5.75	4	3	7	
298	000302	Nguyễn Kiều Oanh	12A7	4.25	2.5	6.75	6.5	3.33	3	6.33										4.93	4	8.93	3.25	2.25	5.5	5	4	9	

STT	SBD	Họ tên	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
				TN	TL	TC		TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
299	000304	Đỗ Tiến Phát	12A7	3.5	2.25	5.75	6.5	2.1	1.4	3.5										5.14	4	9.14	4	1.5	5.5	5	4	9	
300	000306	Đặng Tuấn Phi	12A7	3.25	2.25	5.5	5.5	3.33	2.2	5.53										1.5	1.75	3.25	3.25	2	5.25	3.5	3.25	6.75	
301	000323	Nguyễn Đức Tài	12A7	3	2.25	5.25	7	3.85	2.8	6.65										5.14	4	9.14	2.5	2.5	5	4.25	3.5	7.75	
302	000326	Bùi Thị Tâm	12A7	3.25	2.25	5.5	8	3.33	2.6	5.93										5.14	3.75	8.89	3	1.5	4.5	4	4	8	
303	000330	Trịnh Minh Thân	12A7	2	1.5	3.5	6	3.15	1.4	4.55										5.36	3	8.36	3.5	1.25	4.75	3.75	3	6.75	
304	000336	Phan Thị Kim Thanh	12A7	4	3.25	7.25	6.3	4.03	2.6	6.63										3.86	4	7.86	2.5	2.75	5.25	4.25	3.5	7.75	
305	000337	Kiều Phương Thảo	12A7	4.25	3.25	7.5	7	4.03	3	7.03										2.57	4	6.57	3.5	3.75	7.25	4	4	8	
306	000338	Trần Nguyễn Mai Thảo	12A7	2.75	1.75	4.5	7	3.5	3	6.5										3.43	3.5	6.93	2.5	2	4.5	2.25	2.25	4.5	
307	000344	Huỳnh Minh Thư	12A7	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng										Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
308	000347	Nguyễn Ngọc Quế Thư	12A7	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng										Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
309	000354	Tạ Hoài Thương	12A7	2.75	1.5	4.25	6.8	2.63	2.2	4.83										3.86	4	7.86	2.5	1.25	3.75	3.25	4	7.25	
310	000366	Nguyễn Thị Huyền Trang	12A7	3.5	2.5	6	8	3.68	3	6.68										5.79	4	9.79	3	3.75	6.75	4.75	3.75	8.5	
311	000376	Trần Thị Tuyết Trinh	12A7	4.75	3.5	8.25	7.8	3.85	3	6.85										6	4	10	3.5	1.75	5.25	4.25	3.75	8	
312	000379	Phạm Trung Trường	12A7	2.5	3	5.5	6.8	4.03	2.8	6.83										5.14	3.75	8.89	2.75	2	4.75	4.5	3.5	8	
313	000381	Võ Thành Tuấn	12A7	2.75	1.75	4.5	7.5	4	0.8	4.8										4.5	1.5	6	3.75	2.75	6.5	3.25	2.75	6	
314	000384	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12A7	5.25	3	8.25	8	4.55	3	7.55										6	4	10	4	1.75	5.75	5	4	9	
315	000390	Nguyễn Anh Vũ	12A7	3.5	2	5.5	6.8	3.85	2.4	6.25										4.07	3	7.07	3.25	2	5.25	3.75	3.5	7.25	
316	000395	Phạm Tường Vy	12A7	3	2.75	5.75	7.8	3.5	2.6	6.1										5.57	4	9.57	3.75	2.25	6	4	4	8	
317	000195	Võ Như Bình	12A8	3.25	2	5.25	5.8	3.85	3	6.85										4.5	4	8.5	3.75	1.5	5.25	4.5	3.25	7.75	
318	000199	Võ Quốc Dinh	12A8	3.75	2.25	6	6	3.85	2.4	6.25										3.21	4	7.21	4	2	6	4	2.75	6.75	
319	000206	Đặng Thùy Dương	12A8	3.75	2	5.75	7	4.4	2.6	7										5.75	4	9.75	4.25	2.5	6.75	4.5	4	8.5	
320	000210	Phan Huỳnh Tiến Đạt	12A8	2.25	1.25	3.5	6.5	3.85	2.2	6.05										1.93	4	5.93	3	2	5	3.75	3.25	7	
321	000215	Bùi Trung Hải	12A8	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng										Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
322	000219	Phạm Thị Hồng Hạnh	12A8	4.75	3	7.75	6.5	3.68	3	6.68										3.64	3	6.64	2.5	2.25	4.75	4.25	4	8.25	
323	000225	Trương Tấn Hiền	12A8	2.75	0.75	3.5	5	3.68	2.4	6.08										2.14	4	6.14	2.75	0.5	3.25	4	4	8	
324	000227	Bùi Minh Hiếu	12A8	3.75	2.5	6.25	6.5	4.38	3	7.38										6	4	10	4.5	2.75	7.25	4.5	3.5	8	
325	000233	Nguyễn Kim Hồng	12A8	3.5	2.5	6	7	4.9	2.6	7.5										5.79	3.5	9.29	4	1.75	5.75	4.25	4	8.25	
326	000237	Nguyễn Quỳnh Hương	12A8	4.25	3.5	7.75	7	4.2	2.8	7										6	4	10	4	2.75	6.75	4.5	3.5	8	
327	000238	Nguyễn Việt Hương	12A8	3.75	0.75	4.5	5	2.8	2.4	5.2										3.86	2.5	6.36	2.75	1.25	4	3.75	4	7.75	
328	000246	Nguyễn Tấn Huỳnh	12A8	2.25	1.75	4	4.5	2.45	2.6	5.05										2.36	2.75	5.11	2.5	2.25	4.75	3.75	3	6.75	
329	000251	Lê Mai Ngọc Lâm	12A8	2.75	2.5	5.25	6.8	3.85	2.6	6.45										4.29	3.75	8.04	4	2.25	6.25	4.75	3.5	8.25	
330	000253	Nguyễn Thị Thu Liễu	12A8	3	2	5	5	3.33	2.8	6.13										3.64	4	7.64	3.75	3	6.75	3.5	3.5	7	
331	000262	Huỳnh Thị Thu Mai	12A8	2.5	1.5	4	7.8	3.5	2.4	5.9										3.43	4	7.43	3	2.25	5.25	3.75	2.5	6.25	
332	000264	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	12A8	3.5	1.25	4.75	7.8	2.28	1.4	3.68										2.57	3.5	6.07	2.75	1.25	4	4.5	3	7.5	
333	000268	Vũ Hoàng Minh	12A8	3.5	2.25	5.75	4.8	2.1	1.2	3.3										2.79	3	5.79	3.5	2.25	5.75	3.75	3	6.75	
334	000270	Hoàng Nam	12A8	3	0.25	3.25	4	5.8	3	8.8										2.75	0.25	3	3.25	2	5.25	5.25	2.5	7.75	
335	000273	Nguyễn Thị Tuyết Nga	12A8	2.25	1	3.25	4.5	4.2	2.2	6.4										2.79	2.5	5.29	3.5	1.5	5	2.25	2	4.25	
336	000278	Nguyễn Ngọc Phượng Ngân	12A8	4.25	2.5	6.75	8.5	3.85	3	6.85										5.79	4	9.79	3	1.75	4.75	4.5	4	8.5	
337	000280	Trần Lê Bảo Ngân	12A8	2.5	0	2.5	2.8	3.68	2.2	5.88										2.36	4	6.36	2	1	3	3	4	7	
338	000288	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12A8	2.5	1.5	4	5.3	3.33	2.6	5.93										3.43	1.25	4.68	2.75	2	4.75	4.25	3.5	7.75	
339	000294	Phan Ý Như	12A8	2.75	0.75	3.5	6	3.33	2.4	5.73										2.14	3.75	5.89	2.5	2.5	5	4	3	7	
340	000296	Phạm Thị Ngọc Nhung	12A8	4.25	3.5	7.75	7.8	3.33	2.6	5.93										6	4	10	3.5	3.25	6.75	4.75	4	8.75	
341	000299	Đỗ Thị Hoài Ny	12A8	3.5	2.25	5.75	5.8	3.5	2	5.5										3.86	3.75	7.61	3.25	2.75	6	4.25	4	8.25	

STT	SBD	Họ tên	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
				TN	TL	TC		TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
342	000303	Trần Mai Nhật Phàm	12A8	4	1	5	5.5	3.85	2.2	6.05										3.43	2	5.43	3.25	1.75	5	4.5	2.5	7	
343	000307	Đặng Thanh Phong	12A8	4	2.5	6.5	6.8	3.85	3	6.85										4.71	3.75	8.46	2.75	2.75	5.5	5	4	9	
344	000311	Nguyễn Phạm Thiện Phước	12A8	2.5	0.75	3.25	5	3.85	2.6	6.45										2.57	3	5.57	3	2.25	5.25	3.75	4	7.75	
345	000315	Lê Minh Phương	12A8	4.75	3.25	8	7	3.85	2.8	6.65										5.79	4	9.79	3.5	1.75	5.25	4.75	3.5	8.25	
346	000317	Tăng Gia Quân	12A8	4	3.5	7.5	5.5	4.03	2.4	6.43										5.57	4	9.57	3.75	2.5	6.25	4.25	3.75	8	
347	000325	Lê Nguyễn Thành Tài	12A8	2.75	1.75	4.5	3.5	3.5	2.8	6.3										3.64	2	5.64	2	1.25	3.25	3.5	2.5	6	
348	000327	Trương Thanh Tâm	12A8	1.75	1	2.75	5.5	3.5	2.6	6.1										2.57	1	3.57	3.25	2.25	5.5	3.5	2	5.5	
349	000351	Lâm Minh Thuận	12A8	4.25	2.75	7	3	4.03	2.4	6.43										5.14	4	9.14	3.5	2	5.5	3.75	3.5	7.25	
350	000352	Bùi Văn Thương	12A8	4	2.5	6.5	6.8	3.85	1.8	5.65										3	4	7	3.25	1.5	4.75	5.25	3.25	8.5	
351	000353	Dương Hoài Thương	12A8	4	2	6	6.8	4.2	2.4	6.6										5.79	4	9.79	2.25	2	4.25	4	3	7	
352	000357	Giang Võ Quỳnh Anh Thư	12A8	2.5	2	4.5	7.5	2.8	2.4	5.2										3.64	1	4.64	3.75	3	6.75	3	2.25	5.25	
353	000362	Dương Cát Tiên	12A8	3.75	2.5	6.25	7.3	4.73	2.2	6.93										5.79	4	9.79	3.75	2.75	6.5	3.75	3.75	7.5	
354	000364	Trần Thị Quế Trân	12A8	3.5	3.25	6.75	6.5	3.33	2.6	5.93										5.79	4	9.79	4.5	2.75	7.25	4	3.25	7.25	
355	000368	Nguyễn Thị Thùy Trang	12A8	2.5	1.25	3.75	5	3.15	1.8	4.95										3	1	4	3.25	2	5.25	3.75	2.25	6	
356	000372	Trịnh Hoài Trân	12A8	3.5	2.25	5.75	6.5	4.2	2.6	6.8										3.21	1	4.21	3.25	2.75	6	4.75	2.5	7.25	
357	000375	Cao Văn Trí	12A8	2.5	1.75	4.25	4.5	3.85	2.2	6.05										2.14	0	2.14	2.75	1	3.75	3.5	1.5	5	
358	000391	Ngô Thái Vũ	12A8	3.5	0.5	4	4.5	3.85	2.4	6.25										5.14	3	8.14	2.5	2.5	5	4	4	8	
359	000393	Nguyễn Phúc Tường Vy	12A8	2.75	0.75	3.5	4.5	2.1	1.6	3.7										2.79	0.75	3.54	1.5	0.5	2	2.75	1	3.75	
360	000394	Nguyễn Trương Thảo Vy	12A8	3.75	2.75	6.5	7.3	4.55	3	7.55										4.5	4	8.5	2.5	2	4.5	4.5	4	8.5	
361	000183	Lê Nhật Trúc Ân	12A9	2	1.5	3.5	6.3	2.98	2.8	5.78										3	2	5	3	1.5	4.5	2.25	0	2.25	
362	000184	Võ Nhật An	12A9	2.75	2.25	5	6.3	3.15	2.8	5.95										4.07	4	8.07	3.5	2.75	6.25	3.25	0.75	4	
363	000191	Trương Quỳnh Anh	12A9	2.5	1.75	4.25	7.3	3.85	2.8	6.65										4.29	4	8.29	3.25	1.5	4.75	3.25	1.75	5	
364	000197	Ngô Chiến Công	12A9	3.5	2.75	6.25	6	4.03	2.8	6.83										5.36	4	9.36	3.5	3	6.5	4	1.25	5.25	
365	000202	Cao Hoàng Dũng	12A9	4.25	2	6.25	6	4.38	2.8	7.18										5.57	4	9.57	3.5	1.75	5.25	3.5	1	4.5	
366	000207	Nguyễn Thùy Dương	12A9	2.75	2.75	5.5	7.5	3.5	2.4	5.9										5.57	4	9.57	4.25	2	6.25	4	1.5	5.5	
367	000212	Đào Thanh Hải	12A9	4.25	2.25	6.5	7.3	4.9	3	7.9										5.79	3.5	9.29	4.25	2	6.25	4.25	2.5	6.75	
368	000226	Lê Huỳnh Trung Hiếu	12A9	2	1	3	6	3.33	2	5.33										5.79	4	9.79	2.25	2	4.25	5.25	1.25	6.5	
369	000231	Ngô Huy Hoàng	12A9	2.75	1.5	4.25	3.5	4.03	2.4	6.43										2.57	4	6.57	2.5	1.5	4	2	3.5	5.5	
370	000235	Trần Đức Hùng	12A9	1.5	1.5	3	6.8	3.5	1.8	5.3										2.36	3.5	5.86	3.75	1	4.75	2.5	2.75	5.25	
371	000236	Nguyễn Phi Hùng	12A9	3.5	1.5	5	5.8	3.33	2	5.33										2.79	0.75	3.54	3.5	1	4.5	4	1.5	5.5	
372	000243	Nguyễn Đăng Huy	12A9	3.75	2.5	6.25	4.3	4.38	3	7.38										3.21	4	7.21	3.75	2	5.75	3.75	1.5	5.25	
373	000256	Nguyễn Thị Tú Linh	12A9	4.5	3.25	7.75	6.5	4.55	2.6	7.15										5.79	4	9.79	4	2.25	6.25	4.25	2.75	7	
374	000266	Phan Văn Minh	12A9	3	2.5	5.5	5.3	3.5	2.4	5.9										3.43	4	7.43	3	1.5	4.5	3.25	3	6.25	
375	000269	Hoàng Diễm Thảo My	12A9	3.5	2.75	6.25	6.3	2.98	3	5.98										5.57	4	9.57	3.5	2	5.5	2.75	2.75	5.5	
376	000271	Nguyễn Thành Nam	12A9	3	2	5	7.3	3.5	3	6.5										3.64	3.75	7.39	3.75	1.25	5	3.25	2.5	5.75	
377	000276	Võ Thị Kim Ngân	12A9	5	3.25	8.25	7.5	4.55	3	7.55										5.79	4	9.79	4	2.5	6.5	4.75	3.75	8.5	
378	000283	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	12A9	1.5	0.5	2	6.3	3.5	2	5.5										3.5	2	5.5	2.75	1.5	4.25	3.25	0.25	3.5	
379	000285	Phạm Thị Thanh Nhân	12A9	5	3.5	8.5	8.5	3.68	3	6.68										6	3.5	9.5	3.75	2.5	6.25	4	3.75	7.75	
380	000290	Nguyễn Lê Uyên Nhi	12A9	3.25	2.5	5.75	7.5	2.8	2	4.8										3.64	4	7.64	3.5	2	5.5	3.5	3.25	6.75	
381	000292	Võ Phạm Ái Nhi	12A9	4	3.5	7.5	7.3	4.2	2.4	6.6										5.57	4	9.57	3.75	2	5.75	3.25	3.5	6.75	
382	000300	Huỳnh Thị Kim Oanh	12A9	3	2.5	5.5	4	2.98	2.2	5.18										3.64	3	6.64	3	1.5	4.5	1.75	2	3.75	
383	000312	Lê Nguyễn Hoài Phương	12A9	3	3.25	6.25	4.3	3.5	3	6.5										4.5	4	8.5	3.25	2	5.25	3	2.5	5.5	
384	000318	Nguyễn Anh Quốc	12A9	4.25	3	7.25	6	4.55	3	7.55										5.36	4	9.36	4	2.25	6.25	3.75	3.25	7	

STT	SBD	Họ tên	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GD&CD			Ghi chú
				TN	TL	TC		TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
385	000322	Lê Hoàng Sơn	12A9	4.25	2.75	7	6.5	3.5	2.8	6.3										6	4	10	3.75	2	5.75	4.25	4	8.25	
386	000329	Lê Hoàng Thảo	12A9	4	3.25	7.25	5.5	3.85	2.8	6.65										5.79	4	9.79	4	2.75	6.75	3.75	3.5	7.25	
387	000333	Lê Huỳnh Kim Thanh	12A9	2.5	2.25	4.75	6	4.03	2.4	6.43										5.36	4	9.36	4	1.5	5.5	4.75	2.5	7.25	
388	000340	Huỳnh Văn Thắng	12A9	2.5	2.75	5.25	5.8	2.98	2.6	5.58										2.36	3.5	5.86	2.5	2.5	5	2.5	1.25	3.75	
389	000343	Võ Hoàng Minh Thiện	12A9	3	2.5	5.5	7.3	3.68	2.2	5.88										5.79	4	9.79	3.25	2.5	5.75	4	3.5	7.5	
390	000355	Hà Thị Thùy	12A9	5.25	3	8.25	6.8	3.68	3	6.68										6	4	10	3.75	1.5	5.25	2.75	2.75	5.5	
391	000358	Nguyễn Hoàng Anh Thư	12A9	3.5	2.5	6	7.5	3.5	2.4	5.9										5.57	4	9.57	3.5	1.5	5	4	3	7	
392	000363	Phan Thị Kim Tiên	12A9	3.5	3.5	7	7	3.15	2.4	5.55										4.93	3.75	8.68	3.25	2	5.25	3.5	2.5	6	
393	000367	Nguyễn Thị Thu Trang	12A9	4.25	2.75	7	7.3	3.85	3	6.85										3.86	4	7.86	3.5	2.25	5.75	3.5	3.5	7	
394	000369	Võ Thị Thanh Trang	12A9	3	2	5	6.3	2.98	2.4	5.38										4.93	4	8.93	3.25	1.25	4.5	3	1	4	
395	000371	Nguyễn Ngọc Trần Trân	12A9	2.5	2	4.5	6	3.15	2.4	5.55										2.14	3.75	5.89	1.5	1	2.5	3	1.25	4.25	
396	000373	Hồ Đức Trí	12A9	1.75	2.5	4.25	7.3	3.68	2.8	6.48										1.5	4	5.5	4.75	1.75	6.5	2.25	3.5	5.75	
397	000378	Trương Đức Trung	12A9	3.75	2.75	6.5	6.8	3.5	2.8	6.3										4.5	4	8.5	5	2.5	7.5	4	3.25	7.25	
398	000380	Nguyễn Bảo Tú Tú	12A9	2.5	0.75	3.25	6.5	4.2	2.6	6.8										3	4	7	4.25	2.75	7	3.25	1.75	5	
399	000382	Nguyễn Trần Anh Tuấn	12A9	3.25	2.25	5.5	6	3.8	3	6.8										5.5	4	9.5	3.75	3.5	7.25	3.5	3.75	7.25	
400	000387	Nguyễn Hiếu Tường Vân	12A9	4	3.5	7.5	6.8	4.03	3	7.03										6	3.75	9.75	3.25	2.25	5.5	3	4	7	
401	000388	Hoàng Đại Vĩ	12A9	2.5	1.25	3.75	7	3.85	3	6.85										5.14	4	9.14	3	2.75	5.75	3.75	2	5.75	
402	000399	Trần Thúy Vy	12A9	3	2.5	5.5	6.3	3.68	2.8	6.48										4.71	4	8.71	2.25	2.5	4.75	3.25	2.75	6	
403	000401	Nguyễn Ngọc Như Ý	12A9	3.5	2.25	5.75	5.3	3.15	2.4	5.55										3	4	7	3.5	1.75	5.25	3.5	3.5	7	
404	000404	Nguyễn Thị Hoàng Yến	12A9	3.25	2.25	5.5	8	4.55	2.8	7.35										3.43	4	7.43	3	2.75	5.75	3.5	2.5	6	